

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2025-2026**Môn: Địa lí, Lớp: 12***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề*

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành thủy sản ở nước ta?

- A. Khai thác hải sản xa bờ đang được đẩy mạnh. B. Khai thác thủy sản nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.
C. Sản lượng khai thác luôn cao hơn nuôi trồng. D. Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

- A. Chế độ nước sông không phân mùa. B. Sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.
C. Cán cân bức xạ quanh năm âm. D. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

Câu 3. Đặc điểm nổi bật của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. gồm 4 cánh cung lớn; đồng bằng mở rộng. B. chủ yếu là đồi núi thấp; đồng bằng mở rộng.
C. chủ yếu là đồi núi cao; đồng bằng mở rộng. D. chủ yếu là núi cao, địa hình ven biển đa dạng.

Câu 4. Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

- A. Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm. B. Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.
C. Hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. D. Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt.

Câu 5. Khí hậu phân mùa ảnh hưởng như thế nào tới sản xuất nông nghiệp nước ta ?

- A. Khó khăn cho việc đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.
B. Khó khăn cho việc phòng chống sâu hại, dịch bệnh.
C. Thuận lợi cho việc phòng chống sâu hại, dịch bệnh.
D. Thuận lợi cho việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

Câu 6. Vùng có sản lượng lúa lớn nhất nước ta là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây không phải ưu điểm của nguồn lao động nước ta?

- A. Cần cù, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất. B. Lao động có trình độ cao còn ít.
C. Số lượng đông, tăng nhanh. D. Tiếp thu nhanh khoa học và công nghệ.

Câu 8. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. cây lương thực. B. cây rau đậu. C. cây ăn quả. D. cây công nghiệp.

Câu 9. Việc phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu phản ánh vai trò nào của nông – lâm – thủy sản trong phát triển đất nước hiện nay?

- A. Đẩy mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên. B. Tăng nhanh sản lượng bằng mọi biện pháp.
C. Bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. D. Giảm chi phí đầu tư cho sản xuất.

Câu 10. Đô thị nào sau đây được hình thành sớm nhất ở nước ta?

- A. Cổ Loa. B. Phú Xuân. C. Hội An. D. Thăng Long.

Câu 11. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. thiếu hụt nguồn lao động. B. thị trường thế giới nhiều biến động.
C. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa. D. địa hình chủ yếu là đồi núi.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở thành thị của Việt Nam (Đơn vị: %)

Năm	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2010	12,3	38,1	49,6
Năm	Nông – lâm – ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2020	6,5	40,2	53,3

Nguồn: SGK Địa lí 12 – Kết nối tri thức và cuộc sống, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Dựa vào số liệu cho biết nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng đô thị hoá ở nước ta là:

- A. Tốc độ tăng dân số tự nhiên cao. B. Diện tích đất nông nghiệp mở rộng.
C. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. D. Khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Câu 13. Tỷ lệ dân thành thị nước ta còn thấp cho thấy

- A. điều kiện sống ở thành thị khá cao. B. nông nghiệp phát triển mạnh mẽ.
C. đô thị hóa chưa phát triển mạnh. D. điều kiện sống ở nông thôn khá cao.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây không đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

- A. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. B. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác. D. Cơ cấu ngành ngày càng đơn giản.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A. số lượng tất cả các loài vật nuôi ở đều tăng ổn định.
B. tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.
C. hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.
D. sản xuất hàng hóa là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

Câu 16. Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang được cơ cấu lại theo hướng

- A. phát triển mạnh khai khoáng. B. chú trọng thị trường trong nước.
C. phát triển theo chiều rộng. D. nâng cao trình độ công nghệ.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

- A. Tài nguyên rừng phân bố đều khắp các vùng. B. Tỷ lệ che phủ rừng giảm sút nhanh chóng.
C. Trong rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý. D. Diện tích rừng giàu được phục hồi nhanh.

Câu 18. Cho bảng số liệu: **Lượng mưa trung bình năm của một số địa điểm ở Việt Nam (Đơn vị: mm)**

Địa điểm	Lào Cai	Huế	Nha Trang
Lượng mưa trung bình năm	1 800	2 800	1 300

Nguồn: SGK Địa lí 12, bộ Kết nối tri thức và cuộc sống (số liệu trung bình nhiều năm) Nhận xét nào sau đây là đúng nhất?

- A. Lượng mưa cao nhất ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ
B. Lượng mưa phân bố đồng đều giữa các địa điểm.
C. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam.
D. Lượng mưa có sự phân hoá rõ rệt theo không gian.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Quý IV năm 2023, số lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 17,2 triệu người, tăng 92,0 nghìn người so với quý trước, lao động trong khu vực này tiếp tục tăng với tốc độ tăng cao hơn so với quý trước (0,5% so với 0,1%); lao động trong khu vực dịch vụ đạt 20,5 triệu người, tăng 58,6 nghìn người (tăng 0,3%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với số lao động là 13,8 triệu người, giảm 20,1 nghìn người (giảm 0,1%).

- a) Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa.
b) Tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng do quá trình công nghiệp hóa nhanh.
c) Lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn cao do quá trình đô thị hóa diễn ra còn chậm.
d) Nguyên nhân dẫn tới sự chuyển biến cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế ở nước ta hiện nay còn chậm là do nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Hoạt động lâm nghiệp gồm: Khai thác, chế biến lâm sản; lâm sinh. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tăng, khai thác rừng tự nhiên được quản lý chặt chẽ theo hướng bền vững. Năm 2021, sản lượng gỗ khai thác của nước ta đạt 18,8 triệu m³. Các sản phẩm chế biến gỗ quan trọng nhất là gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn, đồ gỗ, gỗ

lạng, gỗ giấy và gỗ dán. Hoạt động trồng rừng được quan tâm đầy mạnh. Nhiều chính sách về quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng bền vững được ban hành thông qua Luật Lâm nghiệp.

- a) Hoạt động khai thác lâm sản của nước ta diễn ra chủ yếu ở vùng núi.
- b) Sản phẩm của ngành khai thác lâm sản nước ta rất phong phú, trong đó chủ yếu là gỗ.
- c) Năng suất của ngành chế biến lâm sản ngày càng tăng do việc trồng rừng được chú trọng.
- d) Việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất rừng lâu dài cho các chủ sử dụng chủ yếu nhằm tạo điều kiện khai thác rừng tối đa để phát triển kinh tế nhanh

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành ở nước ta năm 2010 và năm 2021 (Đơn vị: %)

Năm	2010	2021
Khai khoáng	10,2	3,0
Chế biến, chế tạo	86,2	93,0
Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3,0	3,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải,	0,6	0,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

- a) Nhóm ngành công nghiệp thể biến, chế tạo luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
- b) Tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp khai khoáng giảm mạnh theo hướng phát triển bền vững.
- c) Tỉ trọng của nhóm ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng mạnh nhất.
- d) Cơ cấu công nghiệp phân theo ngành đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và phát triển các ngành công nghiệp truyền thống.

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

Câu 1: Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết số lượng người lao động cần giải quyết việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 2. Cho bảng số liệu: **Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

Năm	2010	2015	2020	2022
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	3 168,0	3 024,0	2 992,3
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	21 091,7	19 874,4	19 976,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023) Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2022 tăng lên bao nhiêu tạ/ha so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020 (Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2020
Khai thác	2.414,4	3.049,9	3863,7
Nuôi trồng	2.728,3	3.532,2	4633,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021) Hãy cho biết tỉ trọng thủy sản khai thác của nước ta năm 2020 nhỏ hơn tỉ trọng thủy sản nuôi trồng bao nhiêu % ? (làm tròn đến 1 chữ số thập phân của %)

Phần IV. Tự luận:

Câu hỏi: Chứng minh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
C	D	B	B	D	B	B	A	C	A	B	C	C	A	A	D	C	D

1	a) Đ b) Đ c) S d) Đ
2	a) Đ b) Đ c) S d) S
3	a) Đ b) Đ c) S d) S

1	3,2
2	4,5
3	9,1

Phần IV. Tự luận:

Câu	Nội dung	Điểm
	Cơ cấu kinh tế của nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá:	
	- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, chủ yếu dựa vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng áp dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.	0,25
	- Khu vực công nghiệp và dịch vụ có vai trò quan trọng và tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế.	0,25
	- Sự chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ hướng đến khai thác tốt hơn nguồn lực, tăng cường mối liên kết giữa các ngành, giữa các địa phương và với quốc tế.	0,25
	- Sự chuyển dịch không chỉ đạt được mục tiêu tăng trưởng mà còn hướng đến sự phát triển bền vững.	0,25